

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**

Ngày **30/5/2024**

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cường**

Ông **Nguyễn Duy Khương**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024. về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm 1978.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: **ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**.

(Chị **H** có mặt, anh **T** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Thị H** trình bày như sau:**

Năm 2009, chị và anh **Nguyễn Văn T** đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 ngày 19/5/2009.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên cự cãi, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp dẫn đến cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc. Bản thân chị đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân cho các con có được gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh **Nguyễn Văn T** có 02 người con chung tên **Nguyễn Trọng K**, sinh ngày 23/02/2010 và **Nguyễn Trọng P**, sinh ngày 07/6/2015. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Trọng P**, sinh ngày 07/6/2015, đồng ý giao cháu **Nguyễn Trọng K**, sinh ngày 23/02/2010 cho anh **T** nuôi dưỡng chăm sóc. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận chị và anh **T** không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn anh **Nguyễn Văn T**:**

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **T** như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh **Thắng** không đến Tòa án nên không có lời khai.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị **Thị H** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Thị H**. Cho chị **Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**. Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Trọng P**, sinh ngày 07/6/2015 cho chị **Thị H** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Thị H** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Trọng K**, sinh ngày 23/02/2010 cho anh **Nguyễn Văn T** tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T đi đến hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2009 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo chị H trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như lời trình bày của chị H thì chị và anh T không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng anh T không tham dự cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của chị H và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn không tham dự. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/02/2010 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/6/2015. Tại phiên tòa hôm nay, chị H cũng yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/6/2015 và đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/02/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/02/2010 trình bày: “Hiện cháu đang sống cùng với cha và có nguyện vọng sống chung với cha là anh Nguyễn Văn T” và tại bản biên ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/6/2015 trình bày: “Hiện cháu đang sống cùng với mẹ và cháu P có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Thị H”. Do đó, cần giao con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/6/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị H đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/02/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Trong thời gian chị **H** và anh **T** nuôi dưỡng con chung thì anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị **Thị H** và anh **T** không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị **Thị H** xác định chị và anh **T** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Thị H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Thị H**.

1. Về hôn nhân: Chị **Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Trọng P**, sinh ngày 07/6/2015 cho chị **Thị H** chăm sóc nuôi dưỡng theo sự tự nguyện của cháu **P**. Ghi nhận sự tự nguyện của **chị Thị H1** đồng ý giao cháu **Nguyễn Trọng K**, sinh ngày 23/02/2010 cho anh **Nguyễn Văn T** chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị **Thị H1** và anh **Nguyễn Văn T** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Thị H1** phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **Thị H1** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001341 ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị **Thị H1** đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị **Thị H1** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Nguyễn Văn T** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Mong Thọ B;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo